

Số: 145/BC-STP

An Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 724/SCT-QLCN ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Sở Công Thương về việc thẩm định dự thảo Quyết định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh An Giang (lần 2), Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Cơ quan soạn thảo dự thảo:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh An Giang được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm k, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.”

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

a) Điều 1

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát từ “ngành Công thương” hay “ngành Công Thương” tại Điều 1 và toàn bộ dự thảo Quyết định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất cụm từ “*phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm*” tại Điều 1 với cụm từ “*phân cấp quản lý an toàn thực phẩm*” tại tên gọi Quyết định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*Quy định*” thành “*Quyết định*”; bổ sung từ “*An Giang*” sau cụm từ “*trên địa bàn tỉnh*”.

b) Điều 2

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày viện dẫn “*...điểm k, khoản 1...*” thành “*...điểm k khoản 1...*”.

c) Lưu ý

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định Điều 1, Điều 2 do: dự thảo Quyết định này là Quyết định phân cấp thẩm quyền, nội dung phân cấp đã bao gồm phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, việc quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng là thừa. Đồng thời, nội dung của toàn bộ Quyết định có sự lặp đi lặp lại rất nhiều lần.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật

a) Về thẩm quyền và sự cần thiết phân cấp quản lý an toàn thực phẩm

Tại khoản 2 Điều 65 của Luật An toàn thực phẩm quy định:

“Điều 65. Trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp

2. Chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.”

Tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương quy định:

“Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

1. Điều 24 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP được sửa đổi như sau:

“Điều 24. Các yêu cầu chung của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

...

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;

b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản cam kết đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

c) Đối tượng được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm:

Thực hiện việc gửi bản sao Giấy chứng nhận (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm) theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP đến cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn.”

Tại khoản 1 Điều 13 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định:

“Điều 13. Phân cấp cho chính quyền địa phương

1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quyền phân cấp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

Tại khoản 2, 3 Điều 28 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

2. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương.

3. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.

Căn cứ các quy định trên, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang là đúng thẩm quyền.

b) Về thẩm quyền và sự cần thiết bãi bỏ Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phân công, phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ

lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND phân công, phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tuy nhiên, ngày 19 tháng 9 năm 2019, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 17/2019/TT-BCT bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành, theo đó, tại khoản 10 Điều 1 quy định:

“Điều 1. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành sau đây:

10. Lĩnh vực an toàn thực phẩm

Thông tư số 57/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.”

Đồng thời, tại khoản 10 Điều 3 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

10. Cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ là cơ sở do cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình thực hiện đăng ký hộ kinh doanh và cơ sở không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.”

Căn cứ các quy định trên, Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND đã không còn phù hợp và cần được bãi bỏ.

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban

hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. ...”

Căn cứ các quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3. Dự thảo Quyết định

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách đánh số trang văn bản theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 76. Khổ giấy, định lề trang văn bản, phong chữ, đánh số trang văn bản

...

Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.”

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cỡ chữ Tên cơ quan ban hành văn bản; số, ký hiệu văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 57; điểm c, d khoản 4 Điều 58 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 57. Tên cơ quan ban hành văn bản

2. Tên cơ quan ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 13, phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài của dòng chữ và đặt ở giữa, cân đối so với dòng chữ.

Điều 58. Số, ký hiệu văn bản

4. Số, ký hiệu của văn bản được trình bày như sau:

c) Từ “Số” được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng; sau từ “Số” có dấu hai chấm (☺); với những số nhỏ hơn 10 phải ghi thêm số 0 phía trước;

d) Ký hiệu của văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng;”

c) Căn cứ ban hành

Tại khoản 1 Điều 61 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

“Điều 61. Căn cứ ban hành văn bản

*1. ... Căn cứ ban hành văn bản **bao gồm** văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”*

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của các căn cứ trong dự thảo Quyết định.

d) Điều 3

Thứ nhất: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh chính xác cách trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

...

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

“1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.””

Thứ hai: trong trường hợp cơ quan soạn thảo thống nhất theo ý kiến **tại khoản 1 của Báo cáo này**, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh quy định, bố cục nội dung phân cấp như sau:

“Điều 1. Phân cấp cho Sở Công Thương quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở ... được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ... trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở... được quy định tại điểm a, b, c, d, e, k khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.”

Hoặc:

“Điều 1. Nội dung phân cấp

1. Phân cấp cho Sở Công Thương quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở ... được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ... trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở... được quy định tại điểm a, b, c, d, e, k khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.”

đ) Điều 4

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung tổ chức thực hiện tại Điều 4 dự thảo Quyết định đã phù hợp chưa, theo đó, các nội dung tại Điều 4 dự thảo Quyết định là nội dung tổ chức thực hiện Quyết định hay là nội dung về quản lý an toàn thực phẩm, nếu là nội dung về quản lý an toàn thực phẩm thì Điều 3 dự thảo Quyết định đã phân cấp quản lý nên việc quy định tại Điều 4 là không phù hợp.

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh quy định tại Điều 4 dự thảo Quyết định phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.*”

e) Điều 5

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Quyết định đã phù hợp chưa. Theo đó, căn cứ Thông tư số 57/2015/TT-BCT, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND. Tuy nhiên, Thông tư số 57/2015/TT-BCT đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2019/TT-BCT, do đó, Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND đã không còn phù hợp và cần được bãi bỏ.

Khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND là nội dung chính của Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND, các Điều, khoản còn lại của Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND là nội dung về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành nên việc chỉ bãi bỏ khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND tại khoản 2 Điều 5 của dự thảo Quyết định là chưa phù hợp.

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ khoản 3 Điều 5 do thừa, trong trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan soạn thảo chuyển khoản 3 Điều 5 sang nội dung tổ chức thực hiện do nội dung này không thuộc quy định của “*Hiệu lực thi hành*”.

g) Điều 6

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*Sở, ban, ngành*” thành “*sở, ban, ngành*”.

h) Nơi nhận

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Nơi nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 67 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 67. Nơi nhận

1. Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản.”

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thứ tự các dòng phù hợp hơn.

4. Dự thảo Tờ trình

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày dự thảo Tờ trình theo ý kiến thẩm định tại khoản 3 của Báo cáo này. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

a) Rà soát, điều chỉnh tên cơ quan “*Sở Công thương*”, “*Bộ Công thương*” thành “*Sở Công Thương*”, “*Bộ Công Thương*” trong toàn bộ dự thảo Tờ trình.

b) Mục I

Rà soát sự phù hợp của cụm từ “*hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh chưa có văn bản phân cấp cơ quan có thẩm quyền quản lý về an toàn thực phẩm tiếp nhận Bản cam kết hoặc bản sao Giấy chứng nhận của các cơ sở sản xuất, kinh doanh ...*”. Đề nghị trình bày rõ ràng, phù hợp hơn đối với nội dung này.

Rà soát, điều chỉnh đoạn “*Tại khoản 1 và khoản 2 của Công văn số 3109/BCT-KHCN... là không còn phù hợp*” phù hợp hơn do Thông tư số 57/2015/TT-BCT **đã được bãi bỏ bởi** Thông tư số 17/2019/TT-BCT. Như vậy, toàn bộ Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND đã không còn phù hợp. (Nội dung này đã có ý kiến tại khoản 2, 3 của Báo cáo này, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn).

Điều chỉnh căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp hơn (xác định chính xác khoản mấy của Điều 28 và trích đúng quy định được viện dẫn).

b) Trình bày rõ ràng, cụ thể mục đích xây dựng văn bản.

c) Trình bày ngắn gọn hơn phần quá trình xây dựng, bỏ các phần từ ngày, tháng, năm do thừa và bổ sung phần xin chủ trương xây dựng dự thảo Quyết định.

d) Bỏ “*Công văn số 3109/BCT-KHCN*” tại hồ sơ đính kèm do không phù hợp.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Công Thương;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn